

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24/4/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Vũ Thị Hồng;

2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên tòa Bà Hoàng Diệp Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Bà Hoàng Thị Cẩm Tú- Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 04/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXX-ST ngày 18/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐ ST-HNGĐ ngày 02/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị M** 43 tuổi

Địa chỉ: Thôn 8 xã TL- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Lý Văn Tr** 38 tuổi

Địa chỉ: Thôn 8 xã TL- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Trương Thị M trình bày: Chị và anh Lý Văn Tr về chung sống từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đến tháng 8 năm 2010 mới là thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TL- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh Tr không chăm lo cho gia đình, hay chơi cờ bạc... dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, nhiều lần anh Tr còn đánh chị. Gia đình, bố mẹ đã khuyên nhủ nhưng anh Tr không thay đổi. Do không hạnh phúc nên chị đã bỏ về bên ngoài từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Chị và anh Tr có hai con chung là Lý Thị Bích Th sinh ngày 16/02/2010 và Lý Đ sinh ngày 25/7/2011 hiện đang ở cùng

bố. Ly hôn anh Tr sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và hiện tại chị chưa có nhà riêng, chưa có công việc và thu nhập không ổn định. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Lý Văn Tr vắng mặt nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng không đến giải quyết là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Trương Thị M được ly hôn với anh Lý Văn Tr; giao cả hai con chung cho anh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trương Thị M và anh Lý Văn Tr là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã TL- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Lý Văn Tr vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; chị Trương Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị M và anh Lý Văn Tr kết hôn năm 2010, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị M- anh Tr không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... Quá trình giải

quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Tr không có mặt tham gia các phiên hòa giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Chị Trương Thị M khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và khiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn; hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị M và anh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị M có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị M và anh Lý Văn Tr có hai con chung là Lý Thị Bích Th sinh ngày 16/02/2010 và Lý Đ sinh ngày 25/7/2011 hiện đang ở cùng bố. Quá trình giải quyết vụ án quan điểm của chị M để anh Tr trực tiếp nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét hoàn cảnh thực tế chị M chưa có nhà cửa và công việc ổn định. Cháu Lý Thị Bích Th và cháu Lý Đ thường xuyên ở cùng bố. Trong đơn đề nghị các cháu cũng có nguyện vọng ở với bố Lý Văn Tr. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cần giao con chung cho anh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do quá trình giải quyết vụ án anh Tr không có mặt để thể hiện quan điểm nên không xem xét. Chị M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị M không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí Chị Trương Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trương Thị M được ly hôn với anh Lý Văn Tr.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cả hai cháu là Lý Thị Bích Th sinh ngày 16/02/2010 và Lý Đ sinh ngày 25/7/2011 cho anh Lý Văn Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; chị Trương Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Trương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí lý hôn. Xác nhận chị M đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001962 ngày 04/02/2025.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô